

Bản án số: 06/2023/HS-PT
Ngày 20 – 12 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sòi Ngọc An Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 10/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Lò Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 168/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Bị cáo có kháng cáo: Lò Văn H, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1993 tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKTT: Tổ , phường CS, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn H, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị N sinh năm 1967; có vợ Cầm Thị T sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/6/2012 bị cáo bị Công an thành phố Sơn La xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự với mức tiền phạt 750.000,đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo đã chấp hành xong khoản tiền phạt ngày 25/6/2012 và đến nay được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 07/01/2023 cho đến nay, “có mặt”.

- Bị hại: Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại pn (Công ty N T); địa chỉ trụ sở chính: CH, phường 1 quận TB, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đinh Minh Q, sinh năm 1997 - Chuyên viên pháp chế Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại phát triển NT. “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Tòa án triệu tập người làm chứng:

+ Bà Lành Thu H, sinh năm 1992. Địa chỉ: số đường TC, tổ 1, phường QT, thành

phố Sơn La, tỉnh Sơn La, “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

+ Ông Trần Xuân D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Đội, bản P xã N H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, “vắng mặt”.

+ Bà Trần Thị S, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản P, xã C X, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, “vắng mặt”.

+ Ông Hoàng Ngọc H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ , phường QT, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại phát triển NT; Địa chỉ trụ sở chính: 1 Cộng Hòa, phường quận TB, TP Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0312803588, đăng ký hoạt động ngày 02/6/2014 tại Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động trong lĩnh vực bưu chính và đã được Bộ Thông tin và truyền thông cấp giấy phép bưu chính số 30/GP - BTTTT, ngày 19/01/2017. Ngày 22/02/2021 Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại phát triển NT đăng ký thành lập Chi nhánh tại tỉnh Sơn La (Chi nhánh Công ty NT) theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh với mã số 0312803588 - 058, địa chỉ Chi nhánh tại số 130B, đường Lê Duẩn, tổ 01, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La và Chi nhánh Công ty NT cũng đã được Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Sơn La cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính số 01/XN – STTTT, ngày 02/4/2021. Trong quá trình từ khi Chi nhánh Công ty NT tại Sơn La hoạt động, đến tháng 9 năm 2021 bị cáo Lò Văn H ký kết hợp đồng lao động có hưởng lương với Công ty NT, công việc chính của bị cáo là nhân viên lái xe nội đô, nhiệm vụ và quyền hạn khi thực hiện công việc được quy định cụ thể tại bản mô tả công việc và Quyết định giao nhiệm vụ cho người lao động của Công ty NT, theo đó khi bị cáo thực hiện công việc tài xế có nhiệm vụ và quyền hạn: Vận chuyển bưu gửi từ kho đến bưu cục, vận chuyển từ kho hoặc bưu cục đến người nhận theo tuyến chỉ định; Chuyển phát bưu gửi cho người nhận, thu tiền cước, thu tiền hộ (nếu có); Có trách nhiệm xác nhận số tiền COD trên app ngay sau khi trả hàng và thu tiền COP của khách hàng, có trách nhiệm nộp ngay tiền COP, APOLO và cho bưu cục trong ngày làm việc hoặc chậm nhất trước 09 giờ sáng ngày hôm sau. Trong quá trình ký hợp đồng lao động, bị cáo đã đọc và ký nhận vào các bản cam kết thể hiện nội dung: Đã đọc, đã hiểu các tài liệu của Công ty liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ và tự nguyện chấp hành đúng nội quy, quy chế của Công ty cũng như các nội dung công việc được quản lý, thực hiện.

Để thực hiện công việc được giao, Công ty NT đã cấp cho bị cáo đồng phục của Công ty có lô gô NT, giao cho bị cáo quản lý 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU màu vàng, biển kiểm soát 50H 00140, trên thùng xe có lô gô NT và mã đăng nhập vào ứng dụng Giao nhận NT. Bị cáo H đăng ký số điện thoại 0368.650.893 để được Công ty N T cấp mã đăng nhập vào ứng dụng giao nhận NT. Quy trình thực hiện nhiệm vụ của bị cáo được công ty quy định cụ thể như sau:

Bước 1: Công ty NT giao đơn hàng vận chuyển trực tiếp cho bị cáo tại kho của Công ty, sau khi bị cáo nhận đơn hàng, công ty sẽ cập nhật thông tin về đơn hàng lên ứng dụng giao nhận Nhất Tín theo mã nhân viên của bị cáo.

Bước 2: Sau khi nhận hàng và thông tin về đơn hàng, bị cáo tiến hành giao hàng cho khách theo đúng các thông tin được Công ty NT cung cấp.

Bước 3: Sau khi giao được hàng cho khách và thu tiền hộ (nếu có), bị cáo phải xác nhận ngay trên ứng dụng giao nhận Nhất Tín số hàng đã giao, số tiền đã thu và phải nộp về Công ty NT trong ngày làm việc hoặc chậm nhất trước 09 giờ sáng ngày hôm sau (nộp tiền bằng hình thức chuyển khoản qua các hệ thống ngân hàng hoặc bằng tiền mặt nộp trực tiếp tại Công ty), trong thời gian chưa nộp về cơ quan, bị cáo có trách nhiệm, quyền hạn quản lý số tiền này.

Trong quá trình thực hiện công việc theo hợp đồng, đến tháng 10 năm 2021 bị cáo được Công ty giao chuyển 03 đơn hàng, thu tiền của khách nhưng bị cáo sau khi đã giao hàng và nhận tiền của khách đã không nộp lại tiền cho công ty, cụ thể như sau:

Lần 1: Đơn hàng là bím trẻ em có mã vận đơn BO183035531, người gửi là Kho bím Miền bắc Công ty TNHH TINY SUN, địa chỉ tại thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; người nhận là chị Trần Thị S, sinh năm 1996, trú tại tại bản P, xã CX, thành phố Sơn La, số tiền thu hộ theo đơn là 7.100.000đ, địa chỉ giao hàng và người nhận hàng là ông Trần Xuân D, theo địa chỉ Đội , bản P, xã NH, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (ông D là bố đẻ của chị S), ngày 07/10/2021 bị cáo H đã giao hàng cho ông D và ông D đã giao đầy đủ số tiền 7.100.000đ cho bị cáo H.

Lần 2: Đơn hàng là tổ yến, có mã vận đơn BCHN134164029, người gửi là chị Bùi Tuyết M, sinh năm 1988, địa chỉ tại Khu đô thị Dương Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội; người nhận là chị Lành Thu H, sinh năm 1992, tạm trú tại số , đường TC, tổ 01, phường QT, thành phố Sơn La (địa chỉ giao hàng), số tiền thu hộ theo đơn là 4.900.000đ, ngày 12/10/2021 bị cáo H đã giao hàng cho chị H và chị H đã giao đủ cho bị cáo H số tiền 4.900.000đ.

Lần 3: Đơn hàng là ghế massage KENJI K8, có mã vận đơn BO178582520; người gửi hàng là Cửa hàng KENJI SPORT, thuộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TECHMART, địa chỉ tại phường Máy Chai, quận Ngõ Quyền, thành phố Hải Phòng; người nhận là anh Hoàng Ngọc H sinh năm 1980, trú tại tổ 01, phường QT, thành phố Sơn La, số tiền thu hộ trên đơn là 13.990.000đ, ngày 12/10/2021 bị cáo H đã giao hàng cho anh H và anh H đã giao đủ cho bị cáo H số tiền 13.990.000đ.

Sau khi giao xong 03 đơn hàng theo các mã vận đơn BO183035531, BCHN134164029, BO178582520 và thu được tổng số tiền của 03 đơn hàng là 25.990.000đ (Hai mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng), bị cáo không nộp về Công ty NT theo quy định mà giữ lại chi tiêu cá nhân. Đến khoảng giữa tháng 10 năm 2021 bị cáo H tự ý nghỉ việc, không thanh lý hợp đồng và không nộp lại số tiền hàng đã nhận cho Công ty NT nhưng bị cáo không trả, đại diện Công ty NT cũng đã nhiều lần yêu cầu bị cáo H hoàn trả số tiền nhưng bị cáo không thực hiện.

Sau khi sự việc xảy ra, đến tháng 12 năm 2022, người đại diện theo ủy quyền của Công ty N T là anh Nguyễn Thành D đã có đơn trình báo với cơ quan Công an

thành phố Sơn La về nội dung sự việc và trong quá trình điều tra đã giao nộp: 01 Hợp đồng lao động giữa Công ty NT và bị cáo H; Các bản photocopy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, Giấy phép hoạt động bưu chính, Văn bản xác nhận hoạt động bưu chính, Bản cam kết, Bản mô tả công việc kèm theo hợp đồng lao động, Các Bản thông tin về việc giao nhận đơn hàng có các mã vận đơn mà bị cáo Hùng đã giao (BO183035531, BCHN134164029, BO178582520), Quyết định về việc giao nhiệm vụ cho người lao động.

Ngày 28/12/2022 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Sơn La ra Quyết định trưng cầu giám định số 266/QĐ - ĐCSKT - MT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định chữ viết, chữ ký tại Hợp đồng lao động đề ngày 23/9/2021 (ký hiệu A1); Bản cam kết mang tên Lò Văn H đề ngày 24/6/2020 của Lò Văn H (ký hiệu A2) so sánh với bản mẫu chữ ký, chữ viết của Lò Văn H (ký hiệu M1); Bản tường trình đề ngày 18/12/2022 của Lò Văn H (ký hiệu M2), với nội dung yêu cầu giám định: *Chữ viết, chữ ký mang tên Lò Văn H dưới mục “NGƯỜI LAO ĐỘNG” “NGƯỜI CAM KẾT” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết, chữ ký của Lò Văn H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người ký, viết ra hay không?*

Tại Bản kết luận giám định số 131/KL - KTHS, ngày 29/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên Lò Văn H dưới mục “NGƯỜI LAO ĐỘNG”, “NGƯỜI CAM KẾT” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Lò Văn H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra”*.

Trong quá trình giải quyết tin báo về tội phạm và tiến hành điều tra, xác minh, ngày 19/12/2022 bị cáo Lò Văn H đã hoàn trả cho Công ty NT số tiền 25.990.000đ (Hai mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 168/2023/HS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn H phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lò Văn H 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 01 năm 2023.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 10 năm 2023 bị cáo Lò Văn H có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá lại toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Bị cáo chỉ thực hiện hành vi phạm tội một lần mà không phải phạm tội 02 lần trở lên như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nhận định và qua đó cho bị cáo hưởng một mức án phù hợp và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lò Văn H rút một phần kháng cáo về việc bị cáo cho rằng chỉ thực hiện hành vi phạm tội một lần mà không phải phạm tội 02 lần trở lên, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội đối với bị cáo về tội: Tội tham ô tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự với tình tiết “phạm tội nhiều lần” là đúng người, đúng tội không oan sai. Song Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 07 (bảy) năm tù là quá cao, quá nghiêm khắc so với hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, kết luận và đề nghị: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lò Văn H về xin giảm nhẹ hình phạt tù, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 168/2023/HS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn H phạm tội: Tội tham ô tài sản.

Xử phạt bị cáo Lò Văn H 6 (sáu) năm đến 6 (năm) 6 (sáu) tháng tù, “Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 07/01/2023”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lò Văn H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lò Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận.

Bị cáo nhất trí không có tranh luận và đối đáp, đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm mức án phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo Lò Văn H được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bị hại, những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai rõ ràng tại cơ quan điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án vẫn tiến hành xét xử đối với bị cáo Lò Văn H, áp dụng Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người nhận hàng chị Trần Thị S, ông Trần Xuân D, chị Lành Thu H, anh Hoàng Văn H là những người trực tiếp trả tiền mặt cho bị cáo và đặc biệt là mã đơn đặt hàng của khách hàng được lưu trữ trên máy của Công ty NT và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Lò Văn H là nhân viên lái xe theo hợp đồng lao động có hưởng lương với Công ty NT, được Công ty NT chỉ nhánh Sơn La phân công nhiệm vụ, quyền hạn chuyển bưu gửi cho khách theo thông tin Công ty cung cấp và nhận tiền, thu tiền của khách hàng và nộp về cho công ty theo quy định. Ngày 07/10/2021, bị cáo đã chuyển đơn hàng có mã vận đơn BO183035531, người nhận là chị Trần Thị S sinh năm 1996, trú tại bản P, xã CX thành phố Sơn La, số tiền thu cho Công ty theo đơn là 7.100.000đ (*bảy triệu một trăm nghìn đồng*) (ông Trần Xuân D, là bố đẻ chị S đã nhận hàng và trả tiền hàng đầy đủ cho bị cáo). Đến ngày 12/10/2021, bị cáo đã chuyển 02 đơn hàng có mã vận đơn BCHN134164029, người nhận là chị Lành Thu H, sinh năm 1992, tạm trú tại số , đường TC, tổ 01, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La (địa chỉ giao hàng), số tiền thu cho Công ty theo đơn đặt hàng là 4.900.000đ (*bốn triệu chín trăm nghìn đồng*) và đơn hàng có mã vận đơn BO178582520, người nhận là anh Hoàng Ngọc H, sinh năm 1980, trú tại tổ 01, phường QT, thành phố Sơn La, số tiền thu hộ theo đơn là 13.990.000đ (*mười ba triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền thu của 03 đơn hàng 25.990.000đ (*hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng*). Sau khi giao hàng và đã nhận đầy đủ tiền thu đặt hàng của khách hàng, theo quy định của Công ty bị cáo phải nộp lại số tiền đã nhận tiền của khách hàng cho Công ty trong ngày hoặc chậm nhất là đến 09 giờ sáng ngày hôm sau. Trong thời gian chưa nộp tiền cho Công ty thì bị cáo có trách nhiệm quản lý số tiền đó, hết thời hạn nộp lại tiền cho Công ty nhưng bị cáo không chuyển nộp lại, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Bị cáo là người có quyền hạn, có trách nhiệm quản lý đối với tài sản chiếm đoạt, tài sản bị chiếm đoạt do chính bị cáo quản lý, đã lợi dụng quyền hạn để chiếm đoạt tài sản và làm mất đi một số tiền của doanh nghiệp mà bị cáo có nhiệm vụ, quyền hạn quản lý. Sau khi có đơn của đại diện Công ty NT gửi cơ quan Công an thành phố Sơn La thì bị cáo đã khắc phục hậu quả và nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty NT.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn H phạm tội: Tội tham ô tài sản theo Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo, bị hại nhất trí về tội danh quy kết đối với bị cáo, không có kháng cáo về tội danh.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá lại toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xin giảm nhẹ hình phạt tù, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Ngày 07/10/2021, bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình được Công ty NT giao nhiệm vụ thu tiền của khách hàng và nộp lại số tiền cho Công ty theo quy định của Công ty. Lợi dụng quá trình quản lý kinh tế của Công ty, ngày 07/10/2021, bị cáo chiếm đoạt số tiền 7.100.000đ (*bảy triệu một trăm nghìn đồng*) là số tiền thu tiền của

đơn hàng có người nhận là chị Trần Thị S để trả tiền bán hàng cho Công ty NT. Ngày 12/10/2021, bị cáo tiếp tục chiếm đoạt số tiền 18.890.000đ (*mười tám triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng*) là tổng số tiền thu tiền của 02 đơn hàng có người nhận là chị Lành Thu H và anh Hoàng Ngọc H nhưng không nộp lại Công ty theo quy định. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của 03 đơn hàng của Công ty Nt là 25.990.000đ (*hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng*). Các hành vi phạm tội của bị cáo đều chưa bị xử lý hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, mỗi hành vi phạm tội của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 điều 353 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ xác định Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung hình phạt “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá một cách khách quan, toàn diện, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xác định vai trò phạm tội của bị cáo trong vụ án để lượng hình.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lò Văn H 07 (*bảy*) năm tù là quá nghiêm khắc. Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, số tiền chiếm đoạt tài sản với số lượng không lớn. Người phạm tội sau khi bị phát hiện đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động nộp lại tài sản bị chiếm đoạt, đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do bị cáo gây ra. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vận dụng chính sách khoan hồng đặc biệt về xử lý đối với tội phạm tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Xét thấy, căn cứ vào tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cần lên một mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Từ những nhận định, phân tích trên: Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Lò Văn H, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lò Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lò Văn H về xin giảm nhẹ hình phạt tù, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 168/2023/HS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La như sau:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn H phạm tội: Tội Tham ô tài sản.

Xử phạt bị cáo Lò Văn H 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù, “Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 07/01/2023”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lò Văn H.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lò Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 20/12/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- CQ THAHS Công an tỉnh Sơn La;
- CQ CSĐT Công an thành phố Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- TAND thành phố Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- CQ THAHS Công an tỉnh Sơn La;
- CQ CSĐT Công an thành phố Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- TAND thành phố Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mai Lan - Lại Thị Hiếu

Đỗ Tuấn Long

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- CQ THAHS Công an tỉnh Sơn La;
- CQ CSĐT Công an thành phố Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- TAND thành phố Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long